

Bản án số 268/2024/DS-PT

Ngày 18/12/2024

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Huệ

Bà Bùi Thị Thương

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 18/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2024/TLPT-DS ngày 1/10/2024.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện X bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 303/2024/QĐPT-DS ngày 29/10/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 388/2024/QĐPT-DS ngày 20/11/2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 338/2024/TBTA-DS ngày 26/11/2024;

Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ E, ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn H1, sinh năm 1965 và bà Ngô Thị Thu H2, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Bà H2 có mặt, ông H1 vắng mặt)

3. Người kháng cáo: *Bị đơn* bà Ngô Thị Thu H2, sinh năm 1969;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/. Theo đơn khởi kiện và các bản khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là Nguyễn Thị H3). Ngày 01/7/2021 bà H cho vợ chồng bị đơn ông Nguyễn H1 và bà Ngô Thị Thu H2 vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất vay là 2,5%/tháng, vay tín chấp. Ngày 27/8/2022 đã trả được 60.000.000 đồng nợ gốc, sau đó ngưng trả cho đến nay không trả. Nay bà H khởi kiện

yêu cầu ông H1 và bà H2 trả số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 20%/năm từ ngày 01/7/2021 đến khi xét xử sơ thẩm.

**/ Tại các bản khai bị đơn ông H1 và bà Ngô Thị Thu H2 trình bày: Ông H1 là chồng bà H2; Ngày 01/7/2021 vợ chồng bà H2 có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay không nhớ, lãi suất vay là 30%/tháng (tương ứng số tiền lãi là 9 triệu đồng/tháng), vay tín chấp, đã trả được 60.000.000 đồng, còn nợ 240.000.000 đồng. Tiền lãi tháng nào trả tháng đó, số tiền lãi đã trả nhiều hơn số tiền gốc còn nợ, khi trả lãi do tin tưởng chỉ đưa cho nhau không lập thành văn bản; Nay bà H khởi kiện thì có ý kiến: Đề nghị bà H giảm cho 40 triệu đồng nợ gốc, không tính lãi suất; bà H2, ông H1 đồng ý trả cho bà H số tiền 200 triệu đồng.*

**/Tại bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện X; Đã áp dụng các quy định của pháp luật.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn H1 và bà Ngô Thị Thu H2 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

+Buộc ông Nguyễn H1 và Ngô Thị Thu H2 trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 310.756.000 đồng; Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

**/Ngày 28/6/2024, bị đơn bà Ngô Thị Thu H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử lại vụ án, bác yêu cầu khởi kiện của bà H.*

**/Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

+Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Tại phiên tòa các đương sự xác nhận số nợ là 240 triệu; Về tiền lãi thì bị đơn cho rằng đã trả đến tháng 10 năm 2023 với lãi suất 30% tháng, còn nguyên đơn cho rằng chưa trả đồng nào với lãi suất cho vay là 2,5% tháng; nhưng không bên nào có chứng cứ chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử tính mức lãi suất 10%/năm (0,83%tháng); Việc bị đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nhưng không có chứng cứ chứng minh; Đề nghị Hội đồng xét xử, bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà H2 trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét nội dung kháng cáo; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc 240.000.000 đồng:

Ông Nguyễn H1 và bà Ngô Thị Thu H2 xác định ngày 01/7/2021 có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000 đồng, đã trả được 60.000.000 đồng, số tiền còn nợ 240.000.000 đồng;

Xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận về thời điểm giao kết hợp đồng vay, số tiền vay, số tiền đã trả và số tiền nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 240.000.000 đồng. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự; Thì bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc này và tiền lãi.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi:

Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 20%/ năm tính từ ngày vay 01/7/2021 đến khi xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn cho rằng: Thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, do tin tưởng chỉ nói miệng với nhau, không ghi vào giấy vay nợ, nhưng từ khi vay đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn tháng tiền lãi nào; Còn Bị đơn thì cho rằng: Lãi suất thỏa thuận miệng là 30%/tháng, tương ứng 09 triệu đồng/tháng, tiền lãi tháng nào trả dứt điểm tháng đó, khi trả do tin tưởng không làm văn bản, đã trả đến tháng 10/2023.

Xét thấy, việc vay nợ có lãi suất, nhưng chỉ thỏa thuận miệng và mỗi bên đưa ra một mức lãi suất khác nhau nên có tranh chấp về mức lãi suất; Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất được tính là 10%/năm (0,83%/tháng).

Lãi suất là: Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 17/6/2024 là 35 tháng 16 ngày: $240.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} 16 \text{ ngày} = 70.782.000 \text{ đồng}$.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, thì ông H1 bà H2 có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi 70.782.000 đồng. Tổng cộng là 310.782.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ phúc thẩm: Căn cứ Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí tòa án:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí là: $310.782.000đ \times 5\% = 15.539.100 \text{ đồng}$

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện X, như sau:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn H1, bà Ngô Thị Thu H2 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

+Buộc ông Nguyễn H1, bà Ngô Thị Thu H2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 310.782.000 đồng (Ba trăm mười triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn H1 và Ngô Thị Thu H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.539.100đ (Mười lăm triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn một trăm đồng); Bà Nguyễn Thị H được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 6.000.000 đồng, theo Biên lai thu số 0005256 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X;

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H2 phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000892 ngày 2/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, bà H2 đã nộp đủ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng phải trả thêm số tiền lãi theo lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được, người phải thi hành án dân sự, người có QLNVLQ có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 18/12/2024.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TANDh. X.Mộc.
- THADSh. X.Mộc
- Dương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Hoàng Anh

